

Bản án số: 173/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 10 - 2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hà

2. Ông Trương Cao Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 31 tháng 10 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 131/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 08 năm 2022; Về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N ; Sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn X-DH-BT, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Hà Văn H ; Sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn X-DH-BT,, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải chị Nguyễn Thị N trình bày: Chị N và anh Hà Văn H tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau. Anh chị có tổ chức cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã Điền Hạ, huyện Bá Thước năm 1998 nhưng mất đăng ký kết hôn và xuất trình 01 giấy xác nhận của UBND xã Điền Hạ về việc : UBND xã Điền Hạ không có sổ lưu đăng ký kết hôn năm 1998 do việc lưu trữ không cẩn thận.

Chị N và anh H sống hạnh phúc có 02 (hai) con chung đến năm 2021 thì mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không tin tưởng nhau trong tình cảm. Nay chị N không còn tình cảm với anh H nên làm đơn xin ly hôn.

Về con chung: Chị N và anh H có 02 (hai) con chung là cháu Hà Thị H sinh năm 1999 đã lập gia đình, cháu Hà Văn G, sinh năm 2001 cũng đã có gia đình riêng.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn: Anh Hà Văn H trình bày việc anh và chị N tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau như chị N trình bày là đúng. Hiện nay anh H cũng không có tài liệu chứng minh việc đã đi đăng ký kết hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh H và chị N là vợ chồng.

Về con chung: Anh H và chị N và có 02 (hai) con chung là cháu Hà Thị H sinh năm 1999 đã lập gia đình, cháu Hà Văn G, sinh năm 2001 cũng đã có gia đình riêng.

Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Chị Nhiệm có đơn xin miễn án phí có xuất trình bản sao công chứng giấy chứng nhận hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của BLTTDS.

[2] *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn H đủ điều kiện kết hôn nhưng không có căn cứ xác định đã đi đăng ký kết hôn. Nên việc chung sống giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn H không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. HĐXX không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn H là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Hà Thị H sinh năm 1999 đã lập gia đình, cháu Hà Văn G, sinh năm 2001 cũng đã có gia đình riêng. HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. *Về án phí:* HĐXX miễn án phí ly hôn cho chị Nguyễn Thị N theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ: Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N . Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn H là vợ chồng.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N được thuộc hộ nghèo nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị N và anh Hà Văn H . Chị N và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Điện Hạ
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên